

Bản án số: 133/2017/DS-PT

Ngày: 08-8-2017

V/v tranh chấp

“Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ.

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Chấn;
Ông Ngô Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Mỹ Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Hồ Văn Ta - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 82/2017/TLPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2017, về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2017/DS-ST ngày 15 tháng 02 năm 2017, của Toà án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 103/2017/QĐ-PT ngày 13 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện M, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1958 (có mặt)

2.2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956 (có mặt)

2.3. Anh Đỗ Ngọc Đ, sinh năm 1987 (vắng mặt)

2.4 Chị Tổng Thị Ngọc M, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện , tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào ngày 07.06.2015 (Al) nhằm ngày 07.07.2015 (dl) ông M bà B có đến nhà bà vay số tiền 100.000.000đồng cho con ông bà là anh Đ, chị M, ông bà là người bảo lãnh, bà giao tiền có mặt ông M, bà B, anh Đ, chị M có làm hợp đồng với nhau, hai bên có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay là 09 tháng. Sau khi vay, ông Đ bà M, ông M, bà B không đóng lãi và cũng không trả vốn, bà có đến nhà ông M bà B, anh Đ, chị M nhắc nhiều lần nhưng vẫn không thu hồi được vốn và lãi. Nay bà yêu cầu ông M, bà B, anh Đ, chị M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 07.07.2015 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Đỗ Văn M và bà Nguyễn Thị B trình bày: ông bà thừa nhận vào ngày 07.06.2015 (Al) nhằm ngày 07.07.2015 (dl) con ông bà là Đ và M có đến nhà bà T vay số tiền 100.000.000đồng, ông bà có bảo lãnh là khi nào con ông bà không trả thì ông bà có trách nhiệm trả số tiền 100.000.000đồng cho bà T. Khi vay mượn có làm hợp đồng thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, ông bà có đóng lãi được 5 tháng là 25.000.000đồng. Nay hoàn cảnh khó khăn ông bà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi dứt số tiền 100.000.000đồng, đối với số tiền lãi thì vợ chồng ông bà cũng đồng ý đóng lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 07.7.2015 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Số tiền lãi đã đóng ông bà không có chứng cứ nên không có yêu cầu xem xét lại.

Tòa án sơ thẩm đã tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ anh Đỗ Ngọc Đ và chị Tổng Thị Ngọc M nhưng cả 02 vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không đến tòa án theo giấy triệu tập.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 15 tháng 02 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

- Buộc ông Đỗ Văn M, bà Nguyễn Thị B, anh Đỗ Ngọc Đ, chị Tổng Thị Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vốn vay 100.000.000 đồng và tiền lãi 14.425.000đồng, tổng cộng vốn và lãi là 114.425.000đồng (Một trăm mười bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 01 tháng 3 năm 2017, bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm về thủ tục tố tụng và cách tính lãi suất

của Tòa án nhân dân huyện C nên yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn trong vụ án kháng cáo có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận về mặt hình thức

Đối với anh Đỗ Ngọc Đ, chị Tống Thị Ngọc M đã được cấp sơ thẩm và phúc thẩm tổng đạt triệu tập hợp lệ không đến, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đ và chị M.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Về nội tranh chấp:

Nhận thấy giữa bà T với ông M, bà B, anh Đ, chị M có xác lập hợp đồng vay tiền với nhau vào ngày 07.06.2015 (al) nhằm ngày 07.07.2015 (dl), ông M, bà B là người bảo lãnh là khi nào con ông bà không trả thì ông bà có trách nhiệm trả số tiền 100.000.000đồng cho bà T. Lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, thời hạn vay 9 tháng, đến hạn trả nhưng Ông M, bà B, anh Đ, chị M không thanh toán vốn và lãi vi phạm hợp đồng vay nợ. Bà T khởi kiện yêu cầu ông M, bà B, anh Đ, chị M có nghĩa vụ liên đới trả nợ vốn và lãi suất theo quy định pháp luật;

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của các Thẩm Phán và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án , Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của thành viên Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; phạm vi xét xử phúc thẩm và thủ tục phiên tòa.

Đối với các đương sự từ khi Tòa cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đề xuất hướng giải quyết: áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà T kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm sai về trình tự thủ tục tố tụng dân sự là khi nộp đơn phải viết đơn và tờ tự khai theo hướng dẫn của Tòa án là không yêu cầu tính lãi suất từ đó

dẫn đến việc áp dụng pháp luật xét xử lãi xuất tính theo quy định của pháp luật, mà không tính theo hợp đồng đã ký kết là 5%/tháng, không tính lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả làm ảnh hưởng thiệt hại đến quyền lợi của bà, và căn cứ vào hợp đồng là bị đơn không trả nợ phải giao tài sản là căn nhà của bị đơn cho bà. Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 13 tháng 10 năm 2016 do bà nộp tại cấp sơ thẩm chỉ yêu cầu ông M, bà B, anh Đ, chị M trả cho bà số tiền vốn 100.000.000đồng và lãi suất tính theo quy định của pháp luật (BL 10), biên bản ngày 15 tháng 12 năm 2016 do vắng mặt anh Đ, chị M; Cấp sơ thẩm không tiến hành hòa giải được nhưng vẫn ghi nhận ý kiến của các đương sự, bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông M, bà B, ông Đ, chị M có trách nhiệm liên đới trả 100.000.000đồng vốn, lãi suất tính theo quy định pháp luật từ ngày 07 tháng 7 năm 2015, được ghi nhận và có ký tên của bà T, ông M, bà B (BL 27), tại phiên tòa sơ thẩm bà T chỉ yêu cầu ông M, bà B, anh Đ, chị M trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định, nên cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 486 Bộ luật Dân sự nên đã tính lãi từ ngày 07 tháng 7 năm 2015 đến ngày 15 tháng 2 năm 2017 là 9 tháng 07 ngày lãi suất 14.425.000đồng là có căn cứ phù hợp với pháp luật quy định; kháng cáo của bà T yêu cầu tính lãi suất 5%/tháng và tính lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi suất chậm trả, đồng thời do có giao kết thỏa thuận là nếu không thực hiện việc trả nợ thì phải giao căn nhà để thanh toán nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao dịch hợp đồng vay nợ giữa bà T với bà B, ông M, anh Đ, chị M về nội dung việc thỏa thuận không được pháp luật quy định, nên việc kháng cáo của bà T không được chấp nhận. Giai đoạn phúc thẩm bà Nguyễn Thị T không cung cấp được chứng cứ nào khác nên Hội đồng xét xử nghĩ nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Phúc xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 15 tháng 2 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang. Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Đỗ Văn M, bà Nguyễn Thị B, anh Đỗ Ngọc Đ, chị Tống Thị Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vốn vay 100.000.000đồng và

tiền lãi 14.425.000đồng, tổng cộng vốn và lãi là 114.425.000đồng (Một trăm mười bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Văn M, bà Nguyễn Thị B, anh Đỗ Ngọc Đ, chị Tống Thị Ngọc M Phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5.721.000đồng (Năm triệu bảy trăm hai mươi một nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004820 ngày 28 tháng 11 năm 2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013646 ngày 02/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC (1);
- VKSND.AG (1);
- TA sơ thẩm (1);
- THA huyện (1);
- Văn phòng (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Minh Lễ